

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 159/2022/DS-PT
Ngày 05 - 5 - 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLPT-DS ngày 16/02/2022 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Luật sư Lôi Thị D – Văn phòng luật sư Lôi Thị D, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: 261B Phạm Hùng, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Lê Trung H, sinh năm: 1983.

2.2. Chị Võ Hồng Ng, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền anh H, chị Ng là: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm: 1970 (Có đơn xin vắng mặt). Địa chỉ: Số 103, đường Chi Lăng, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Cổ Văn H, sinh năm: 1939.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ông Võ Văn H, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Hòa Bình, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Võ Thị X trình bày:

Trước đây, anh H và chị Ng có vay tiền của bà X nhiều lần. Cụ thể như sau:

Tháng 4/2017, anh H và chị Ng vay của bà X số tiền 65.000.000đ, sau đó vay thêm nhiều lần, lần thứ nhất 30.000.000đ, lần thứ hai 20.000.000đ, lần thứ ba 8.000.000đ; tổng cộng là 123.000.000đ. Các lần vay tiền này không có làm biên nhận tuy nhiên có người chứng kiến.

Đầu năm 2018, anh H và chị Ng vay tiếp số tiền 72.000.000đ, khoản vay này không có giấy tờ nhưng có nhiều người biết.

Tháng 4/2018, anh H và chị Ng vay của bà X 04 lượng vàng 24K và 30.000.000đ, vay có làm biên nhận.

Tháng 7/2018, anh H và chị Ng vay của bà X 04 lượng vàng 24K và 180.000.000đ, vay có làm biên nhận. Tuy nhiên, sau đó do bị chìm xuống biên nhận bị ướt, trong lúc chị Ng dùng máy sấy khô giấy tờ cho bà X thì chị Ng lấy biên nhận không đưa lại cho bà X. Bốn ngày sau bà gặp mẹ của chị Ng kể lại sự việc thì chị Ng viết lại cho bà X biên nhận nhưng chỉ viết 04 lượng vàng 24K, không viết khoản tiền nợ 180.000.000đ. Lúc đó, chị Ng nói ghi nhiều sợ ba chửi và kêu để cho chị Ng trả từ từ.

Cũng trong năm 2018, khi bà X đi mô mắt chị Ng có mượn số tiền 14.000.000đ. Khoản tiền này không có làm giấy tờ, tuy nhiên khi xảy ra sự việc chị Ng không chịu trả lại nên bà X có lại nhà chị Ng la om sòm và có nhiều người biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X khởi kiện bổ sung, cụ thể trước đây vợ chồng anh H, chị Ng vay tiền của bà X nhiều lần với số tiền tổng cộng là 196.000.000đ. Việc mượn tiền đã lâu, không nhớ thời gian cụ thể, tuy nhiên có bà Q, ông Ch biết về khoản vay này.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu anh H, chị Ng phải trả số tiền tổng cộng là 615.000.000đ và 08 lượng vàng 24K.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vũ Tuấn A trình bày:

Anh H là chồng chị Ng, là công chức Nhà nước, chị Ng làm nghề mua bán; chị Ng không hề thông báo với anh H về việc có vay mượn tiền và vàng của bà X. Việc bà X cho rằng chị Ng mượn tiền và vàng vào thời điểm nào, số lượng bao nhiêu, thanh toán như thế nào... thì bản thân bà X cũng không hề thông báo cho anh H biết dưới bất cứ hình thức nào nên anh không biết. Từ các lý do trên nên việc bà X yêu cầu anh cùng với chị Ng phải vàng và tiền vay còn nợ anh không đồng ý, trường hợp Tòa án xác định chị Ng có nợ thì đó là nợ của cá nhân chị Ng.

Chị Ng và bà X là chỗ thân quen, thời gian trước đây chị Ng có nhiều lần vay tiền của bà X nhưng đã hoàn trả đầy đủ. Đối với các biên nhận mà bà X cung cấp cho Tòa án, ý kiến chị Ng như sau: Biên nhận ngày 15/4/2018 là do chị Ng viết nội dung, ký và ghi họ tên; Biên nhận ngày 15/7/2018 chữ viết nội dung, chữ ký và chữ ghi họ tên trong biên nhận không phải của chị Ng. Ngày 02/4/2019, tại nhà của bà X, ông Hai là cha ruột của chị Ng đã trực tiếp đứng ra trả thay cho chị Ng số tiền 30.000.000đ và 04 lượng vàng 24K mà trước đây chị Ng còn nợ bà X. Sau khi nhận đủ số tiền và vàng, chị Ng yêu cầu được nhận lại biên nhận gốc ngày 15/4/2018 nhưng bà X nói là cất trong tủ, bị mất chìa khóa nên hẹn bữa khác sẽ trả lại cho chị Ng. Tuy nhiên, để ghi nhận sự việc mà ông Hai đã trả tiền vàng thì chị Ng đã viết một biên nhận khác, trong đó có nội dung: “Hiện nay Võ Hồng Ng không còn nợ vợ chồng tôi khoản tiền vay mượn nào cả. Những biên nhận trước đây không còn giá trị pháp lý nào nữa”. Bà X và ông Hoàng cùng ký và ghi tên xác nhận vào cuối biên nhận này.

Do đó, hiện nay anh H, chị Ng không đồng ý trả 08 lượng vàng 24K và 615.000.000đ theo yêu cầu của bà X.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cổ Văn H trình bày: Ông đồng ý theo lời trình bày và yêu cầu của bà Võ Thị X, không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H trình bày:

Chị Ng là con gái ông, trước đây khi biết chị Ng thiếu nợ bà X thì ông đã cho tiền để con ông trả nợ. Thời điểm trả nợ, ông có hỏi trước giá vàng để quy đổi lại thành tiền trả nợ cho bà X, ông Hoàng. Sau khi thỏa thuận xong, ông yêu cầu giao trả các biên nhận nhưng bà X cho rằng mất chìa khóa tủ nên không lấy biên nhận giao trả được. Do đó, trong biên nhận ngày 02/4/2019 thể hiện rõ “Hiện nay Võ Hồng Ng không còn nợ vợ chồng tôi về khoản vay mượn nào nữa”, cuối biên nhận là chữ ký xác nhận của ông Hoàng, bà X.

Đối với số tiền, vàng ông đã trả nợ thay cho chị Ng hiện nay ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 60/2021/DS-ST, ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X đối với anh Lê Trung H, chị Võ Hồng Ng.
2. Về chi phí giám định: Bà Võ Thị X phải chịu toàn bộ chi phí giám định (Bà X đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2022 bà Võ Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 60/2021/DS-ST, ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, buộc anh H và chị Ng trả cho bà số tiền vay còn nợ là 15.000.000 đồng và 08 lượng vàng 24K. Đối với số tiền 600.000.000 đồng liên quan đến việc chuyển nhượng nền nhà giá trị 600.000.000 đồng bà sẽ tranh chấp thành một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị X trình bày: Bà X thay đổi yêu cầu, bà kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm, buộc anh H và chị Ng trả cho bà số tiền vay còn nợ là 615.000.000 đồng và 08 lượng vàng 24Kr.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lôi Thị D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để triệu tập ông Cổ Văn H và chị Võ Hồng Ng đến đối chất làm rõ Biên nhận ngày 02/4/2019 và đối chất làm rõ việc lãi vay chị Ng chưa trả cho bà X.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vũ Tuấn A trình bày: Bị đơn anh H, chị Ng đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm số 60/2021/DS-ST, ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi nhận bản án sơ thẩm bị đơn và nguyên đơn không có thỏa thuận gì về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Võ Thị X đúng về hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bà được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tại đơn kháng cáo ngày 14/01/2022, bà Võ Thị X không yêu cầu anh H, chị Ng trả cho bà số tiền 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với số tiền này. Xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm, bà X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó nội dung kháng cáo của bà X không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu.

- Về xét xử vắng mặt: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Vũ Tuấn A có đơn xin vắng mặt và các đương sự ông Cổ Văn H, ông Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy vắng mặt của ông H, ông H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà X yêu cầu anh H, chị Ng trả nợ vay dựa trên các biên nhận ngày 15/4/2018, thể hiện chị Ng có mượn số tiền 30.000.000đ và 04 lượng vàng 24K;

biên nhận ngày 15/7/2018, thể hiện chị Ng có mượn 04 lượng vàng; các khoản nợ còn lại có các nhân chứng biết, cụ thể bà cung cấp bản photo giấy xác nhận của ông Nguyễn Trung Ch và Nguyễn Thị Q, giấy xác nhận 18/8/2020 của bà Phùng Thị Điệp tổng số tiền là 585.000.000 đồng.

Chị Ng thừa nhận trước đây chị có vay của bà X 04 lượng vàng 24K và 30.000.000đ, theo tờ biên nhận ngày 15/4/2018 và chữ ký tên trong biên nhận đúng là của chị. Đối với biên nhận ngày 15/7/2018 không phải chữ ký tên của chị Ng. Đối với các khoản vay còn lại bà X yêu cầu (cụ thể các khoản vay: 123.000.000đ + 72.000.000đ + 180.000.000đ + 14.000.000đ + 196.000.000đ = 585.000.000đ) chị Ng không thừa nhận có vay của bà X. Tuy nhiên, cha chị là ông Võ Văn H đã trả nợ thay cho chị toàn bộ số tiền, vàng vay của bà X được thể hiện qua biên nhận ngày 02/4/2019, hiện nay chị và anh H không còn nợ bà X, ông H bất cứ khoản tiền nào cả. Bà X cho rằng chữ ký trong tờ biên nhận ngày 02/4/2019 không phải là của bà và ông Hoàng. Căn cứ vào Kết luận giám định số: 618/KL-KTHS ngày 10/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và Kết luận giám định số: 3255/C09B ngày 28/6/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (thuộc Viện khoa học hình sự Bộ Công An) có đủ cơ sở xác định chữ ký trong tờ biên nhận ngày 02/4/2019 là của bà X, ông Hoàng. Nội dung tờ biên nhận thể hiện *“Hiện nay Võ Hồng Ng không còn nợ vợ chồng tôi về khoản vay mượn nào nữa cả. Những biên nhận trước đây không còn giá trị pháp lý nào nữa”*.

Ngoài ra, theo các Kết luận giám định cũng thể hiện chữ ký trong biên nhận ngày 15/7/2018 không phải của chị Ng. Do đó, việc chị Ng cũng như người đại diện theo ủy quyền của chị Ng, anh H trình bày hiện nay không còn nợ bà X bất cứ khoản tiền, vàng vay mượn nào là có căn cứ nên được chấp nhận.

Bà X cho rằng việc Tòa án nhân dân huyện T trưng cầu giám định chữ ký đối với biên nhận ngày 02/4/2019, Tòa án không tiến hành lấy mẫu chữ ký của bà và ông Hoàng. Xét thấy theo Biên bản về việc lấy mẫu chữ viết, chữ ký ngày 15/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T có tiến hành lấy mẫu chữ ký, chữ viết của bà Võ Thị X và ông Cổ Văn H. Như vậy Việc Tòa án sơ thẩm trưng cầu giám định chữ ký đối với biên nhận ngày 02/4/2019, biên nhận ngày 15/4/2018 và biên nhận ngày 15/7/2018 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Do đó, kết quả giám số 618/KL-KTHS ngày 10/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và Kết luận giám định số: 3255/C09B ngày 28/6/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, ông Ch xác định có chứng kiến việc bà Điệp đưa cho bà X 04 lượng vàng 24K và 180.000.000đ, sau đó bà X đưa cho vợ chồng chị Ng, anh H số tiền và vàng này, thời gian vào khoảng tháng 7/2018, địa điểm tại nhà của bà X. Tuy nhiên theo Biên bản tiếp xúc ngày 27/11/2020, ông Ch xin rút lại lời khai đã trình bày ở Tòa án. Ông cho rằng ông không biết gì về việc vay mượn tiền giữa bà X với chị Ng, anh H. Trước đây, do bà X năn nỉ quá nên ông mới đến Tòa án cho lời khai làm chứng theo như ý kiến bà X.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà X cung cấp giấy xác nhận ngày 18/8/2020 thể hiện bà Diệp biết về việc chị Ng vay của bà X 08 lượng vàng 24K và 180.000.000đ. Nhưng bà Đ trình bày bà đưa tiền, vàng cho chị Ng hai lần, lần một là giữa tháng 8/2019 số tiền 30.000.000đồng và 04 lượng vàng, lần hai vào cuối tháng 9/2019 bà đưa cho chị Ng số tiền 150.000.000đ và 04 lượng vàng 24kr. Xét lời trình bày này của bà Đ không phù hợp với thời gian, số tiền và vàng mà bà X đã trình bày. Tuy nhiên vào ngày 11/10/2021 tại Tòa án nhân dân huyện T, bà Đ rút lại lời trình bày tại xác nhận ngày 18/8/2020, bà cho rằng việc vay mượn tiền giữa bà X với chị Ng thế nào bà hoàn toàn không biết. Trước đây, bà Đ xác nhận vì do bà X năn nỉ, kể cho bà nghe sự việc và nhờ bà xác nhận. Sự thật bà hoàn toàn không có trực tiếp chứng kiến, không biết cụ thể việc vay mượn tiền giữa bà X với chị Ng như thế nào.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Q xác nhận biết về việc bà X cho chị Ng mượn số tiền 615.000.000đ và 08 lượng vàng 24K, bà Q xác định chỉ gặp bà X đưa tiền cho chị Ng một lần rồi sau đó hỏi bà X nói là 615.000.000đ và 08 lượng vàng, tuy nhiên bà không nhớ cụ thể vào thời gian nào. Mặt khác, theo bà X trình bày thì số nợ 615.000.000đ và 08 lượng vàng 24K bà X cho chị Ng vay nhiều lần, không phải chỉ vay một lần như lời trình bày của bà Quyền. Do đó lời trình bày của bà Q không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Võ Thị X không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để triệu tập ông Cổ Văn H đến tham gia phiên tòa phúc thẩm để đối chất làm rõ nội dung vụ án nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết do ông Hoàng đã có lời khai và ủy quyền cho bà X tại Tòa án sơ thẩm. Do đó không chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Võ Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng vì bà X là người cao tuổi theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 274, Điều 372, Điều 373, Điều 463 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị X đối với anh Lê Trung H, chị Võ Hồng Ng.

2. Về chi phí giám định: Bà Võ Thị X phải chịu toàn bộ chi phí giám định (Bà X đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Võ Thị X được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành